

Liêm chính học thuật trong môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học

Nguyễn Phạm Duy Linh*, Huỳnh Đăng Chính**, Nguyễn Ngọc Anh***, Nguyễn Kim Dung****, Hoàng Xuân Trung*****

Nhận ngày 04 tháng 01 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Liêm chính học thuật có thể được coi là một nguyên tắc đạo đức cốt lõi trong môi trường giáo dục và nghiên cứu khoa học, gắn liền với đạo đức trong khoa học. Liêm chính học thuật được đặc trưng bởi tính trung thực, nghiêm túc, minh bạch, sự tôn trọng và trách nhiệm. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, vấn đề liêm chính học thuật từ lâu đã được đề cao trong các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức nghiên cứu khoa học. Trong đó, sinh viên được học cách tránh đạo văn, làm giả và ngụy tạo số liệu, mua bán các tài liệu khoa học. Ở Việt Nam, kết quả khảo sát cho thấy mức độ gian lận trong môi trường đào tạo là tương đối cao và các hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu vẫn là vấn đề nhức nhối. Mặc dù đã có một số quy định về đạo văn, xử lý gian lận, làm giả và bịa đặt thông tin, song chưa có hệ thống các quy định cụ thể về liêm chính học thuật. Bên cạnh đó, các biện pháp nhằm thực hiện liêm chính học thuật vẫn chưa được đề cao trong giáo dục cũng như trong nghiên cứu khoa học.

Từ khóa: Liêm chính, học thuật, giáo dục, khoa học.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Academic integrity can be considered as a core ethical principle in the scientific research and educational environment, being closely associated with ethics in science. Academic integrity is characterized by honesty, rigor, transparency, respect and responsibility. In many countries around the world, academic integrity has long been featured in universities, research institutes and scientific research organizations. Therefore, students have learned how to avoid plagiarism, forgery, falsification of data, as well as buying scientific documents. In Vietnam, survey results show that the level of fraud in the educational environment is relatively high, and violations of research ethics are still a serious problem. Although there are some regulations on plagiarism, dealing with cheating, falsification and fabrication of information, there is no system of specific regulations on academic integrity. Besides, measures to implement academic integrity have not been featured in education or scientific research yet.

Keywords: Integrity, academic, education, science.

Subject classification: Sociology

1. Giới thiệu

Trong tiến trình phát triển khoa học, liêm chính trong học thuật được thực hiện ở các cơ sở giáo dục, được ghi nhận trong các tuyên bố sứ mệnh, chính sách, thủ tục và quy tắc

* ** Đại học Bách khoa Hà Nội.

*** Depocen.

**** Vụ Khoa học, Công Nghệ và Môi Trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***** Trường Đại học Thương mại.

Email: hoangxuantrung@tmu.edu.vn

danh dự, và được thực hiện trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập tại các cơ sở giáo dục đặc biệt được thực hiện nghiêm túc trong các trường đại học ở một số nước có nền khoa học phát triển trên thế giới.

Liêm chính học thuật là một khái niệm quan trọng trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu và học tập. Nó bao gồm những nguyên tắc và chuẩn mực về sự trung thực, ngay thẳng, trong sáng và trách nhiệm của các cá nhân và tổ chức trong hoạt động học thuật. Liêm chính học thuật là yêu cầu sống còn với sự tồn tại và phát triển của cộng đồng học thuật, cũng như đóng góp cho sự tiến bộ của khoa học và xã hội.

Liêm chính học thuật có nghĩa là tránh việc đạo văn và gian lận, cùng với những hành vi không đạo đức khác. Liêm chính học thuật cũng được giảng dạy trong các lớp học đạo đức nghiên cứu và được ghi chú trong giáo trình. Nhiều trường đại học có các mục trên trang website của họ về liêm chính học thuật, định nghĩa ý nghĩa của thuật ngữ này đối với cơ sở giáo dục cụ thể của họ. Nó bao gồm các giá trị cốt lõi sau: công bằng, trung thực, tin tưởng, tôn trọng, trách nhiệm và dũng cảm.

Tại Việt Nam, vấn đề liêm chính học thuật trong khoa học trở nên là một vấn đề nổi cộm trong thời gian gần đây. Nền khoa học Việt Nam vẫn còn non trẻ, nền tảng chưa vững chắc, hội nhập chưa sâu với nền khoa học đã phát triển trên thế giới. Ngoài việc đạo văn tràn lan, vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học còn chưa nhận thức đúng đắn đầy đủ về vấn đề liêm chính học thuật. Chính vì vậy, những người làm khoa học ở Việt Nam hiện nay vẫn còn dễ dãi cho qua những vấn đề đạo văn. Sự hiểu biết của sinh viên về liêm chính học thuật còn sơ sài, trong khi đó giảng viên cũng không đòi hỏi sinh viên về các tiêu chuẩn đạo đức học thuật nào. Việc các luận văn tốt nghiệp đại học bị phát hiện đạo văn diễn ra phổ biến. Thậm chí ở cấp cao hơn, Tiến sĩ, ứng cử viên Phó giáo sư, Giáo sư cũng bị tố cáo đạo văn của người khác. Bài viết¹ này sẽ phân tích các định nghĩa liêm chính học thuật ở các trường đại học và cơ sở giáo dục trên thế giới; đánh giá thực trạng liêm chính học thuật trên thế giới, cũng như phân tích thực trạng liêm chính học thuật ở Việt Nam. Tiếp đến, bài viết sẽ đưa ra các quy định của Việt Nam hiện nay về liêm chính học thuật. Cuối cùng, bài viết sẽ thảo luận và đưa ra các gợi ý chính sách để thúc đẩy liêm chính học thuật ở Việt Nam, từ đó thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của Việt Nam.

2. Định nghĩa liêm chính học thuật trên thế giới

Trên thế giới, có nhiều định nghĩa về liêm chính học thuật (scientific integrity). Thuật ngữ này còn có thể gọi là đạo đức nghiên cứu (research ethics, research misconduct).

Theo định nghĩa của trường Đại học Monash, “liêm chính học thuật có nghĩa là hành động một cách trung thực, công bằng, tôn trọng và có trách nhiệm trong học tập và công việc nghiên cứu học thuật của bạn. Điều này bao gồm việc áp dụng những giá trị này vào công việc của bạn, và cũng như khi bạn tham gia vào công trình và đóng góp của người khác. Những giá trị này được kì vọng từ cả giảng viên và sinh viên”. Tương tự như vậy, Trường Đại học Edinburgh định nghĩa “liêm chính học thuật là thực hiện nghiên cứu sao cho người khác có thể tin tưởng và đặt niềm tin vào phương pháp và kết quả của nghiên cứu. Điều này liên quan đến tính chính trực và tính chuyên nghiệp của nhà nghiên cứu đối với quá trình nghiên cứu”.

Theo định nghĩa của CDC (Centers for Disease Control and Prevention), liêm chính học thuật là “sự tuân thủ các thực tiễn chuyên nghiệp, hành vi đạo đức và các nguyên tắc trung thực

¹ Kết quả nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài mã số B2022-BKA-27.

và khách quan khi thực hiện, quản lý, sử dụng và truyền thông về khoa học và các hoạt động khoa học. Sự bao gồm, sự minh bạch và sự bảo vệ khỏi ảnh hưởng không đúng đắn là những đặc điểm nổi bật của liêm chính học thuật”.

Theo định nghĩa của Văn phòng Liêm chính Học thuật của Cục Dịch vụ Y tế và Con người của Mỹ thì “Liêm chính học thuật có thể được định nghĩa là sự tuân thủ chủ động các nguyên tắc đạo đức và tiêu chuẩn nghề nghiệp cần thiết để thực hiện nghiên cứu đúng đắn”.

Các vi phạm khác về đạo đức nghiên cứu bao gồm: lạm dụng tính bảo mật, không trung thực trong xuất bản, vi phạm quyền sở hữu, không báo cáo hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu, trả thù, hướng dẫn hoặc khuyến khích người khác tham gia vào hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu hoặc bất kỳ vi phạm nào trên.

Các chính sách và quy trình của Đại học Duke về vi phạm đạo đức trong nghiên cứu nêu rõ như sau:

- Dựng dữ liệu giả: Bịa đặt dữ liệu hoặc kết quả và ghi lại hoặc báo cáo chúng;
- Làm giả: Sửa đổi vật liệu, thiết bị hoặc quá trình nghiên cứu, hoặc thay đổi, bỏ qua dữ liệu hoặc kết quả sao cho nghiên cứu không được đại diện chính sách trong hồ sơ nghiên cứu;
- Đạo văn: Lấy cắp ý tưởng, quy trình, kết quả hoặc lời của người khác mà không đưa ra nguồn phù hợp.

Vi phạm đạo đức trong nghiên cứu không bao gồm lỗi trung thực hoặc sự khác biệt về ý kiến.

NIH (Central Resources for grants and funding information) định nghĩa “liêm chính học thuật liên quan đến vi phạm đạo đức trong nghiên cứu được xác định là sự ngụy tạo, sửa đổi hoặc đạo văn trong quá trình đề xuất, thực hiện hoặc đánh giá nghiên cứu, hoặc trong việc báo cáo kết quả nghiên cứu”.

3. Tổng quan các nghiên cứu về liêm chính học thuật

Mặc dù có nhiều tiện ích, song Internet đồng thời cũng tạo cơ hội cho nhiều sinh viên dễ dàng thực hiện hành vi gian lận, dù cố ý hay không. Nghiên cứu của Dorothy L.R. Jones (2011) khẳng định, việc sử dụng Internet đã tăng 151,6% kể từ năm 2000 đến năm 2011, và sự tiếp cận thông tin, sao chép tài liệu trở nên dễ dàng hơn. Từ đó, Internet đã làm cho hiện tượng đạo văn trở nên phổ biến hơn. Nhiều sinh viên thậm chí cho rằng họ không cần trích dẫn thông tin từ Internet bởi vì các thông tin này được công khai và ai cũng biết. Sinh viên có xu hướng bỏ qua ranh giới giữa những gì mà họ tự nghiên cứu, tìm tòi và những gì mà họ sao chép bởi vì việc sao chép văn bản từ Internet quá dễ dàng. Oleksii Nalyvaiko et al (2022) nghiên cứu vấn đề liêm chính học thuật trong điều kiện học tập từ xa bắt buộc. Nghiên cứu này thực hiện khảo sát đối với các sinh viên tham gia các chương trình đào tạo từ xa trong giai đoạn 2020-2022. Kết quả cho thấy, tỷ lệ phạm trăm sinh viên thường xuyên có hành vi gian lận đã tăng trong giai đoạn này, tuy nhiên nguyên nhân của hiện tượng trên cần được nghiên cứu sâu hơn. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới sự gia tăng các hành vi thiếu trung thực trong học tập của sinh viên là: môi trường học tập (ở đây là môi trường học tập hoàn toàn trực tuyến), thiếu hoạt động có hệ thống để hình thành một nền văn hoá học thuật, sự thiếu động lực trong học tập trực tuyến và không có đủ các kỹ năng làm việc độc lập của sinh viên trong môi trường học tập mới. Tương tự vậy, Ceren và các cộng sự (2023) đã có một nghiên cứu tổng quan về liêm chính học thuật và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục từ năm 2012 đến năm 2022. Theo các tác giả, trong giai đoạn đại dịch Covid-19, hầu hết

các cơ sở giáo dục đại học đều triển khai các lớp học trực tuyến, và điều này tạo ra những cơ hội mới cho hành vi “gian lận điện tử” của sinh viên, thông qua việc truy cập và giao tiếp với nhau qua Internet. Các cách phổ biến để thực hiện loại hành vi gian lận này là sử dụng thông tin thu được mà không được sự cho phép trong một bài kiểm tra hoặc kỳ thi trực tuyến nhờ liên hệ trực tuyến với các sinh viên khác để có đáp án, hoặc nhờ người khác hoàn thành bài kiểm tra, hoặc sử dụng các chương trình trí tuệ nhân tạo để hoàn thành bài tập.

Một cuộc khảo sát do giáo sư Donald McCabe và ICAI thực hiện trong vòng 12 năm (từ 2002-2015) ở hàng trăm trường trung học phổ thông (high school) và trường đại học của Hoa Kỳ - một quốc gia phát triển bậc nhất thế giới - cho thấy, có 68% số sinh viên đại học, 43% học viên cao học, nghiên cứu sinh; 95% học sinh trung học phổ thông được khảo sát thừa nhận đã từng có hành vi gian lận trong học tập.

Majda I. Ayoub, Khaled Aladwan (2021) xem xét mối quan hệ giữa liên chính học thuật của các sinh viên đại học trực tuyến và ảnh hưởng của nó tới kết quả học tập cũng như chất lượng học tập. Có ba giả thuyết được đưa ra liên quan đến mối quan hệ này. Giả thuyết thứ nhất nhằm xem xét liệu có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê nào giữa tính trung thực trong học thuật của các sinh viên tham gia các lớp học trực tuyến và kết quả học tập của họ hay không. Giả thuyết thứ hai nhằm xem xét liệu có sự sai lệch có ý nghĩa thống kê nào trong liên chính học thuật giữa sinh viên nam và sinh viên nữ hay không. Giả thuyết thứ ba nhằm xem xét liệu có mối quan hệ có ý nghĩa thống kê nào giữa sự trung thực trong học thuật của sinh viên và chất lượng học tập của họ hay không. Nghiên cứu này thực hiện phân tích định lượng với số liệu được thu thập qua email của 155 sinh viên đại học tham gia các chương trình học trực tuyến. Kết quả cho thấy, có mối quan hệ tương quan đồng biến ở giả thuyết thứ nhất. Đối với giả thuyết thứ hai, kết quả phân tích chỉ ra rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa nam và nữ trong tính liên chính học thuật. Đối với giả thuyết thứ ba, kết quả phân tích chỉ ra rằng có mối quan hệ tương quan có ý nghĩa giữa tính liên chính học thuật ở các sinh viên tham gia các lớp học trực tuyến và chất lượng học tập, mối quan hệ này tương đối vững.

Toàn cầu hoá và sự phát triển của các công nghệ hiện đại đã mở rộng cơ hội cho mọi lĩnh vực học tập và nghiên cứu. Cùng với các cơ hội to lớn mà toàn cầu hoá mang lại, quá trình này cũng dẫn đến các hành vi vi phạm đối với những giá trị văn hoá cơ bản, hiện tượng đạo văn, gian lận, vi phạm đạo đức trong lĩnh vực học thuật. Yevheniia Duliba và các cộng sự (2021) nghiên cứu vấn đề liên chính học thuật theo nghĩa văn hoá pháp lý của xã hội và nhà nước. Nghiên cứu nhằm chứng minh rằng việc thúc đẩy liên chính học thuật dựa trên cơ sở việc thực hiện các quy định của pháp luật, các cấp độ văn hoá trong giáo dục và được hình thành bởi văn hoá pháp lý. Thông qua phân tích các cơ sở dữ liệu như Chỉ số thượng tôn pháp luật 2020 (Rule of Law Index 2020), Chỉ số thịnh vượng 2020 (Prosperity Index 2020), Chỉ số Universitas 21 về xếp hạng các hệ thống giáo dục, các tác giả đưa ra kết luận, liên chính học thuật trong thế giới văn minh hiện đại là một phần của văn hoá pháp lý, đóng vai trò quan trọng trong thế giới khoa học, trong cộng đồng khoa học, có ý nghĩa đối với cả sinh viên và giảng viên. Các vấn đề liên chính học thuật là vấn đề của mỗi quốc gia, tuy nhiên các yếu tố ảnh hưởng tới liên chính học thuật của các quốc gia khác nhau có sự khác biệt đáng kể, phụ thuộc vào các giá trị văn hoá. Tính liên chính trong học thuật phụ thuộc nhiều vào văn hoá pháp lý, đồng thời cũng phụ thuộc vào dân tộc, tôn giáo và các quy tắc văn hoá của mỗi quốc gia.

Oleksii Nalyvaiko et al (2022) nghiên cứu vấn đề liên chính học thuật trong điều kiện học tập từ xa bắt buộc. Nghiên cứu này thực hiện khảo sát đối với các sinh viên tham gia các

chương trình đào tạo từ xa trong giai đoạn 2020-2022. Kết quả cho thấy, tỷ lệ phạm trăm sinh viên thường xuyên có hành vi gian lận đã tăng trong giai đoạn này, tuy nhiên nguyên nhân của hiện tượng trên cần được nghiên cứu sâu hơn. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới sự gia tăng các hành vi thiếu trung thực trong học tập của sinh viên là: môi trường học tập (ở đây là môi trường học tập hoàn toàn trực tuyến), thiếu hoạt động có hệ thống để hình thành một nền văn hoá học thuật, sự thiếu động lực trong học tập trực tuyến và không có đủ các kỹ năng làm việc độc lập của sinh viên trong môi trường học tập mới. Dựa trên các kết quả đạt được, các tác giả đưa ra một số khuyến nghị như: sử dụng các công cụ kỹ thuật số trong học tập trực tuyến bao gồm Respondus LockDown Browser, Respondus Monitor, ProctorU, Purdue OWL, RefWorks, Grafiati, Unplag, Self Control. Việc sử dụng các công cụ số này vừa kiểm soát được các biểu hiện cụ thể của hành vi thiếu trung thực trong học tập và hình thành nền văn hoá liêm chính học thuật dựa trên sự hiểu biết của sinh viên về tầm quan trọng của liêm chính học thuật.

Ceren Çubukçu ÇERASİ, Yavuz Selim BALCIOĞLU (2023) đã có một nghiên cứu tổng quan về liêm chính học thuật và việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục từ năm 2012 đến năm 2022. Theo các tác giả, sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ đã cho phép các nhà khoa học tạo ra các chương trình máy tính có thể mô phỏng trí thông minh của con người, gọi là trí tuệ nhân tạo. Trí tuệ nhân tạo mang lại nhiều tác động tích cực trong cuộc sống, song đồng thời cũng tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên bỏ qua không làm bài tập riêng của họ, dẫn đến các vấn đề về tính liêm chính trong học tập. Trong giai đoạn đại dịch Covid-19, hầu hết các cơ sở giáo dục đại học đều triển khai các lớp học trực tuyến, và điều này tạo ra những cơ hội mới cho hành vi “gian lận điện tử” của sinh viên, thông qua việc truy cập và giao tiếp với nhau qua Internet. Các cách phổ biến để thực hiện loại hành vi gian lận này là sử dụng thông tin thu được mà không được sự cho phép trong một bài kiểm tra hoặc kỳ thi trực tuyến nhờ liên hệ trực tuyến với các sinh viên khác để có đáp án, hoặc nhờ người khác hoàn thành bài kiểm tra, hoặc sử dụng các chương trình trí tuệ nhân tạo để hoàn thành bài tập.

Theo cuộc khảo sát 840 sinh viên tại 05 cơ sở giáo dục đại học vào năm 2020 của Trung tâm Liêm chính Học thuật Quốc tế (ICAI), có đến 23% sử dụng các nguồn thông tin không được cho phép từ Youtube, Wikipedia,... cho các dự án, bài tập về nhà của mình; 26% nhờ người khác cùng làm bài tập cá nhân; 13,8% sao chép hoặc chỉnh sửa nội dung từ tài liệu khác mà không trích nguồn trong bài tập của mình, chỉ riêng ở hệ cử nhân, con số này cao hơn với mức tương ứng là 23,1%; 28% và 15% (International Center for Academic Integrity, 2023).

Bảng 1: Một số kết quả của các cuộc khảo sát về tỷ lệ gian lận trong học tập và thi cử

Tác giả, năm	Kích cỡ mẫu	Quốc gia	Kết quả
Lainer, M.M. (2006)	n = 1,262	Mỹ	41,1% gian lận trong khóa học trực tuyến 21,3% gian lận trong khóa học trực tiếp
Khan & Balasubramanian (2012)	n = 224	U.A.E	37,5% gian lận trong kỳ thi trực tiếp. 78% sử dụng công nghệ để gian lận

Tác giả, năm	Kích cỡ mẫu	Quốc gia	Kết quả
King & Case (2014)	n = 1867, sinh viên hệ cử nhân trong một khóa học về kinh doanh	Mỹ	15% từng gian lận trong kỳ thi trực tiếp, khoảng 2.9 lần mỗi kỳ 29% từng gian lận trong kỳ thi trực tuyến, khoảng 3.3 lần mỗi kỳ
Watson & Sottile (2010)	n = 635, sinh viên đại học và sau đại học ở các khoa khác nhau	Mỹ	32,7% từng gian lận trong khóa học trực tuyến 32,1% từng gian lận trong khóa học trực tiếp

Nguồn: Tác giả tổng hợp

4. Thực trạng liên chính học thuật ở Việt Nam

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra khảo sát để mô tả thực trạng liên chính học thuật ở Việt Nam. Nhóm nghiên cứu thực hiện mẫu điều tra với 242 quan sát, gồm các giảng viên, chuyên viên, cán bộ quản lý của các trường đại học ở Việt Nam. Địa bàn khảo sát ở 3 thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, và Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian khảo sát vào tháng 10/2023. Điều tra được dựa trên phát phiếu online đến các trường đại học. Nội dung khảo sát chủ yếu tập trung vào vấn đề liên chính học thuật ở Việt nam. Sau đó số liệu được xử lý bằng phần mềm Stata. Bảng 1 cho thấy tỷ lệ người tham gia phỏng vấn chiếm 43,9% đối với ngành khoa học kỹ thuật công nghệ, 20,9% đối với ngành khoa học nhân văn, 14,2% đối với ngành khoa học tự nhiên, 19,2% đối với ngành khoa học xã hội, và 1,7% đối với ngành khoa học chính trị. Ngoài ra, tỷ lệ giảng viên tham gia phỏng vấn chiếm tỷ lệ cao nhất, 81,7%, tiếp đến là cán bộ quản lý, chiếm 19,1%. Nghiên cứu viên, chuyên viên và nhân viên lần lượt chiếm tỷ lệ 8%, 3,6% và 2%. Liên quan đến bằng cấp và học vị, Bảng 1 cho thấy tỷ lệ tiến sĩ tham gia phỏng vấn chiếm tỷ lệ cao nhất chiếm 39,4%, tiếp đến là thạc sĩ chiếm 37,1%. Tỷ lệ giáo sư và phó giáo sư lần lượt là 16,3% và 15,1%. Thấp nhất là cử nhân/kỹ sư chiếm 6%.

Bảng 2. Tỷ lệ tham gia phỏng vấn phân theo các lĩnh vực

	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	Khoa học tự nhiên	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Khoa học chính trị
A. Chuyên ngành đào tạo					
Tỷ lệ phần trăm	19,2%	20,9%	14,2%	43,9%	1,7%
	Cán bộ quản lý	Giảng viên	Nghiên cứu viên	Chuyên viên	Nhân viên
B. Vị trí công việc					
Tỷ lệ phần trăm	19,1%	81,7%	8%	3,6%	2%
	Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân/Kỹ sư
C. Bằng cấp và học vị					
Tỷ lệ phần trăm	16,3%	15,1%	39,4%	37,1%	6%

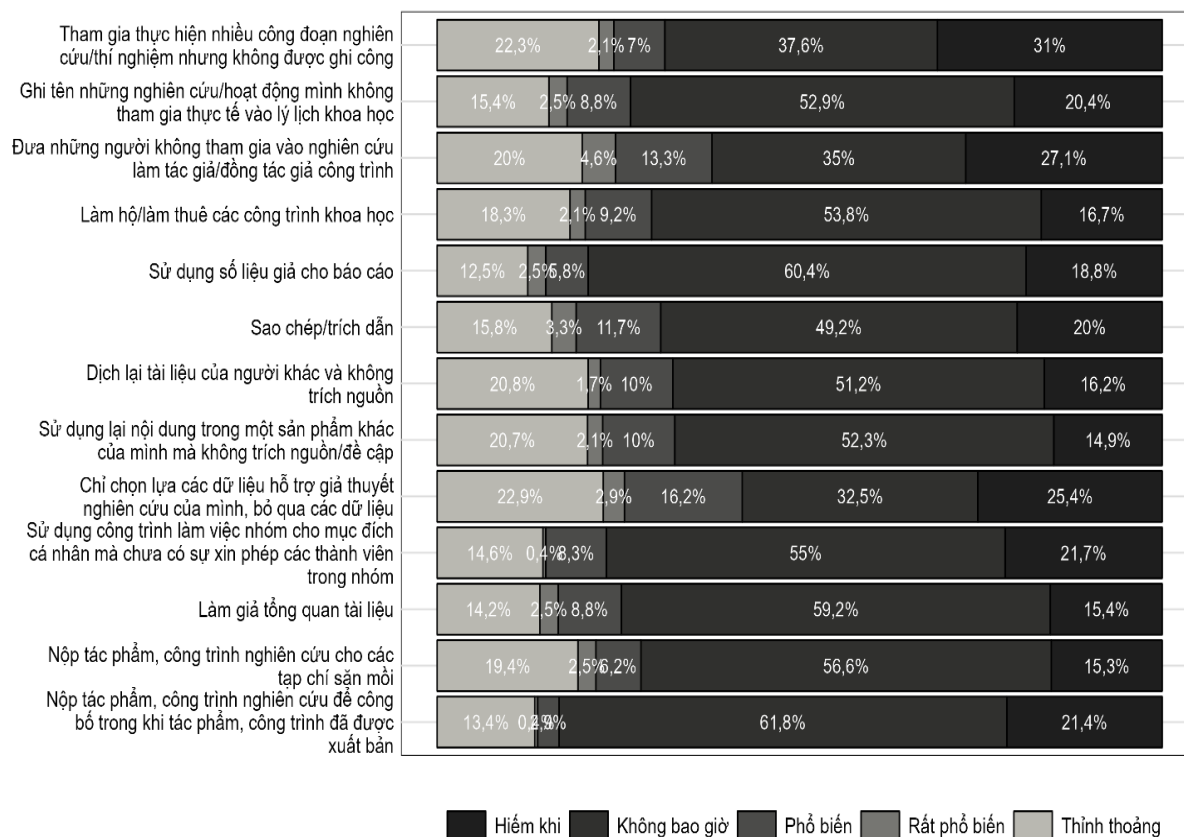
Nguồn: Tác giả khảo sát

Xem xét tỷ lệ người tham gia phỏng vấn đã từng học ở nước ngoài, kết quả cho thấy tỷ lệ người tham gia phỏng vấn học nước ngoài chiếm 55,6%. Điều này cho thấy có sự chuyển dịch khá mạnh theo hướng quốc tế hóa của các trường đại học ở Việt Nam.

4.2. Thực trạng liêm chính học thuật ở Việt Nam

Có thể thấy, trong quá trình nghiên cứu, hầu hết các hiện tượng được khảo sát đều có tỷ lệ chọn "không bao giờ" là cao nhất và mục "rất phổ biến" ít khi được chọn nhất. Việc nộp tác phẩm, công trình nghiên cứu để công bố trong khi tác phẩm cũ đã được xuất bản được chọn là hiện tượng không bao giờ xảy ra nhiều nhất với 61,8%, theo đó là sử dụng số liệu giả cho các báo cáo với 60,4%. Tham gia thực hiện nhiều công đoạn nghiên cứu nhưng không được ghi công là hiện tượng hiếm khi xảy ra nhất với tỷ lệ chọn là 31%, hiện tượng hiếm thứ 2 là đưa những người không tham gia nghiên cứu vào làm tác giả công trình với tỷ lệ chọn 27,1%. Ở mục "Thỉnh thoảng", chiếm tỷ lệ cao nhất 22,8 % là chỉ lựa chọn dữ liệu hỗ trợ giả thuyết nghiên cứu của mình, bỏ qua các dữ liệu sai khác hoặc trung lập, đây cũng là hiện tượng với tỷ lệ chọn "phổ biến" cao nhất với 16,2%. Việc đưa những người không thực hiện nghiên cứu vào làm tác giả hoặc đồng tác giả có tỷ lệ chọn "rất phổ biến" nhiều nhất trong các hiện tượng khảo sát với 4,2%. Trong khi đó nộp công trình để công bố khi tác phẩm cũ được xuất bản không có lượt chọn nào cho mục "rất phổ biến".

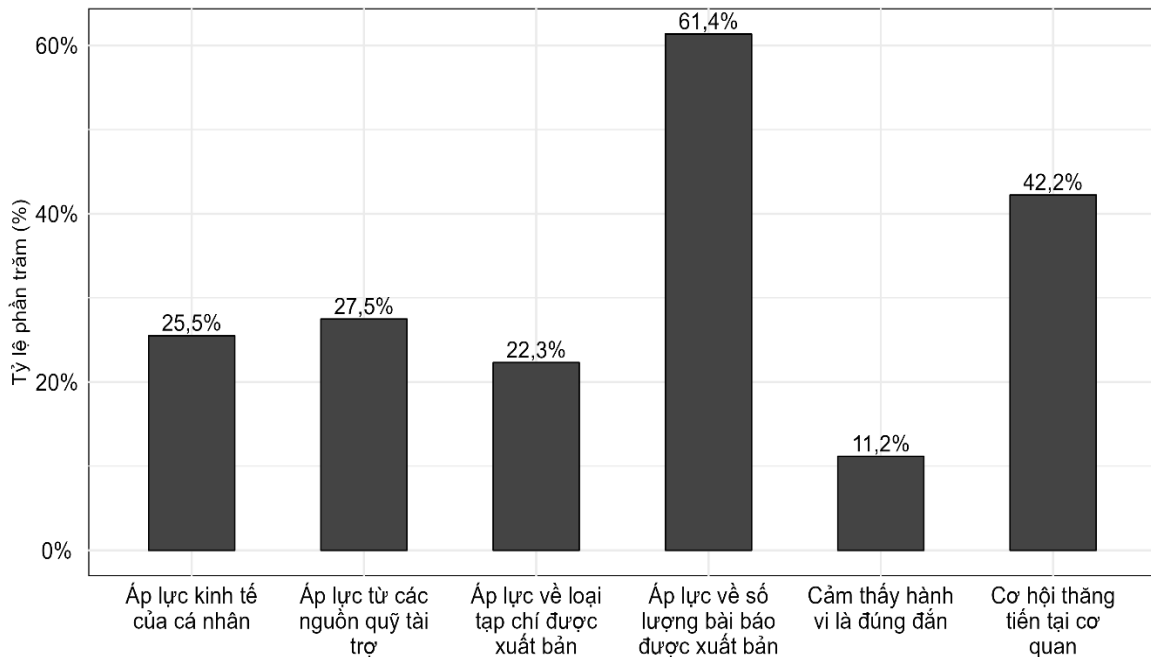
Hình 1: Đánh giá về mức độ phổ biến của một số hiện tượng trong liêm chính học thuật



Nguồn: Tác giả khảo sát

Theo kết quả khảo sát, đa số cho rằng áp lực về số lượng bài báo được xuất bản là nguyên nhân chính cho những hành vi trong môi trường nghiên cứu ở Việt Nam với tỷ lệ chọn là 61,4%. Nguyên nhân phổ biến thứ 2 với 42,2% là cơ hội thăng tiến tại cơ quan. Cảm thấy hành vi là đúng đắn ít được người khảo sát chọn nhất với 11,2%.

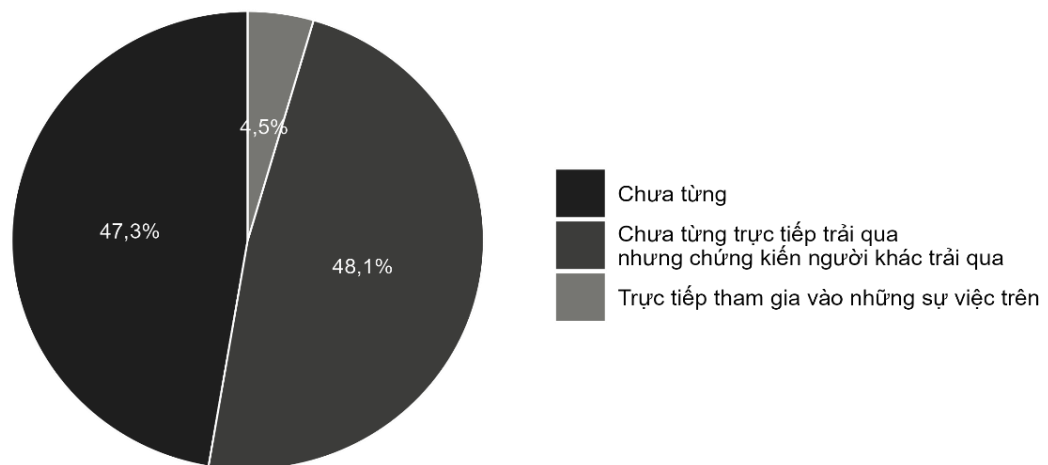
Hình 2: Ý Kiến về nguyên nhân cho những hành vi trong liêm chính học thuật



Nguồn: Tác giả khảo sát

Về nguyên nhân dẫn đến những hành vi vi phạm liêm chính học thuật, 48,1% người tham gia khảo sát chưa từng trực tiếp trải qua những trường hợp trên nhưng chứng kiến người khác trải qua và 47,3% chọn chưa từng. Có thể thấy tỷ lệ cho 2 mục trên đều phổ biến và khá tương đương. Chỉ có 4,5% người khảo sát đã trực tiếp tham gia vào sự kiện.

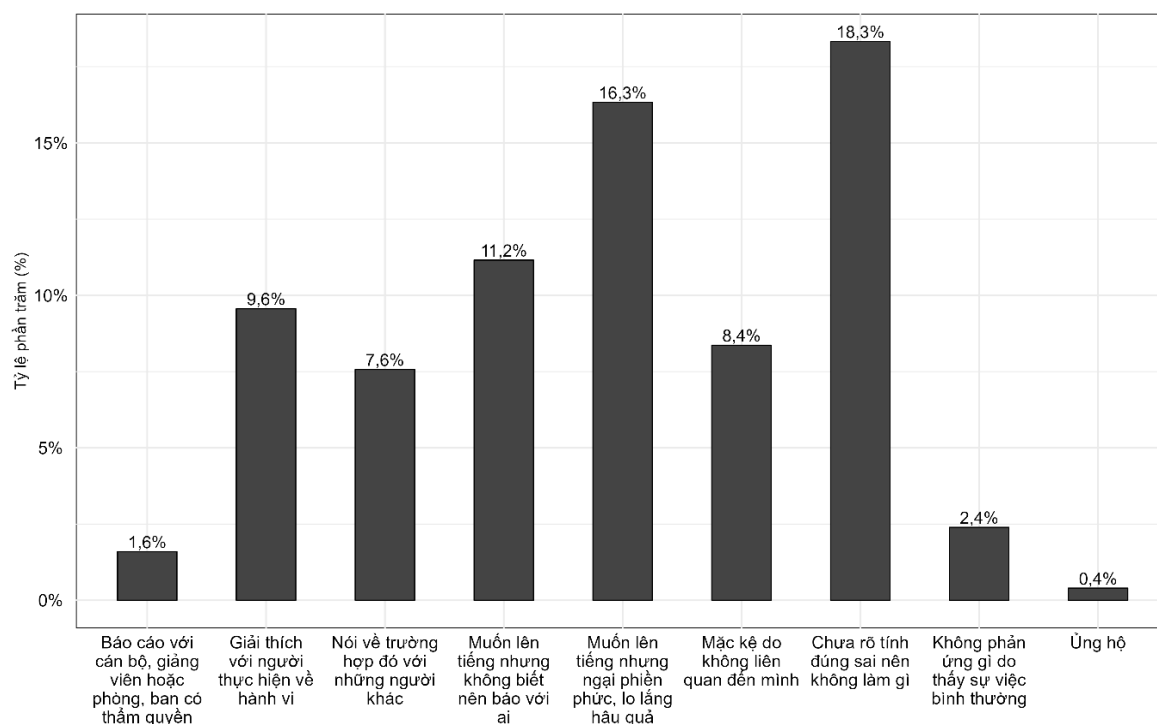
Hình 3: Kinh nghiệm về những hành vi liêm chính học thuật



Nguồn: Tác giả khảo sát

Đối với phản ứng của người tham gia, 18,3% chưa rõ tình hình đúng sai nên chưa làm gì, đây cũng là phản ứng phổ biến nhất. Theo đó là 16,3% người muốn lên tiếng nhưng ngại phiền phức và lo lắng về hậu quả. Chỉ có 1,6% giảng viên và cán bộ quản lý các trường đại học được phỏng vấn đã báo cáo với những người có thẩm quyền xử lý vụ việc và 0,4% ủng hộ.

Hình 4: Phản ứng với những hành vi trong liên chính học thuật

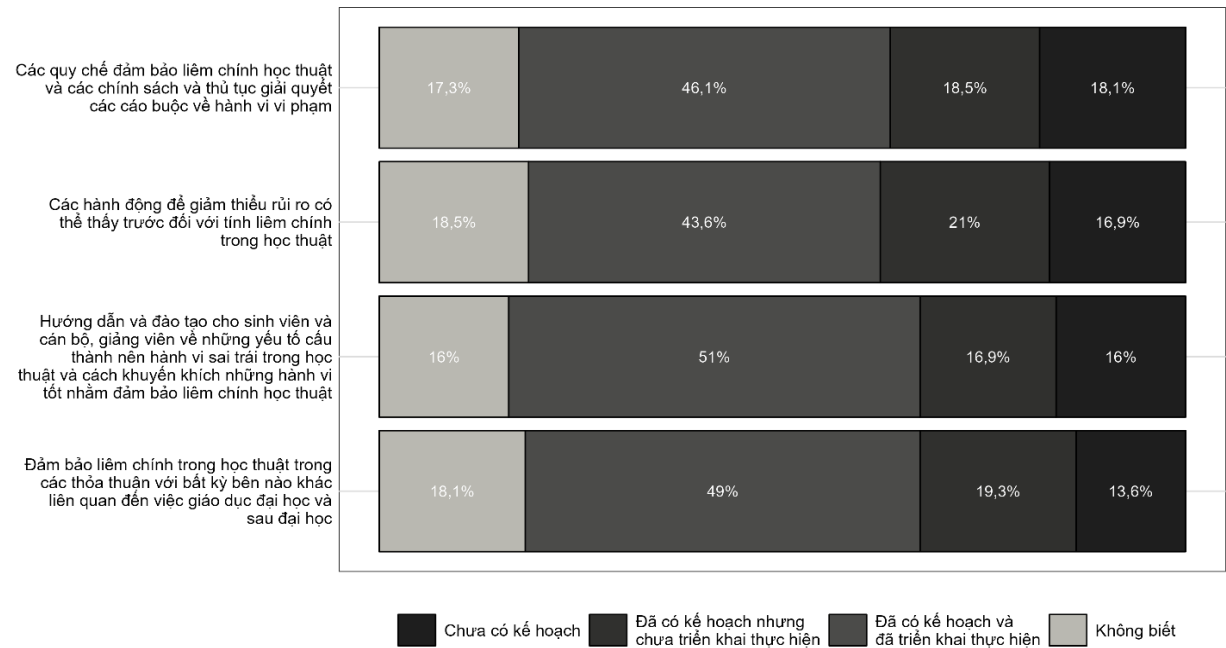


Nguồn: Tác giả khảo sát

Hình 5 cho thấy về những biện pháp và quy chế, đa số cơ quan đã có kế hoạch triển khai và thực hiện. Hướng dẫn và đào tạo cho sinh viên và cán bộ, giảng viên về những yếu tố cấu thành nên hành vi sai trái trong học thuật và cách khuyến khích những hành vi tốt nhằm đảm bảo liên chính học thuật có tỷ lệ đã có kế hoạch và được triển khai thực hiện nhiều nhất với 51%. 21% người tham gia khảo sát cho biết cơ quan họ đã có kế hoạch nhưng chưa triển khai và thực hiện các hành động để giảm thiểu rủi ro có thể thấy được đối với tính liên chính trong học thuật. Các quy chế đảm bảo liên chính học thuật và các chính sách và thủ tục giải quyết các cáo buộc về hành vi vi phạm có tỷ lệ chọn chưa có kế hoạch cao nhất là 18,1%.

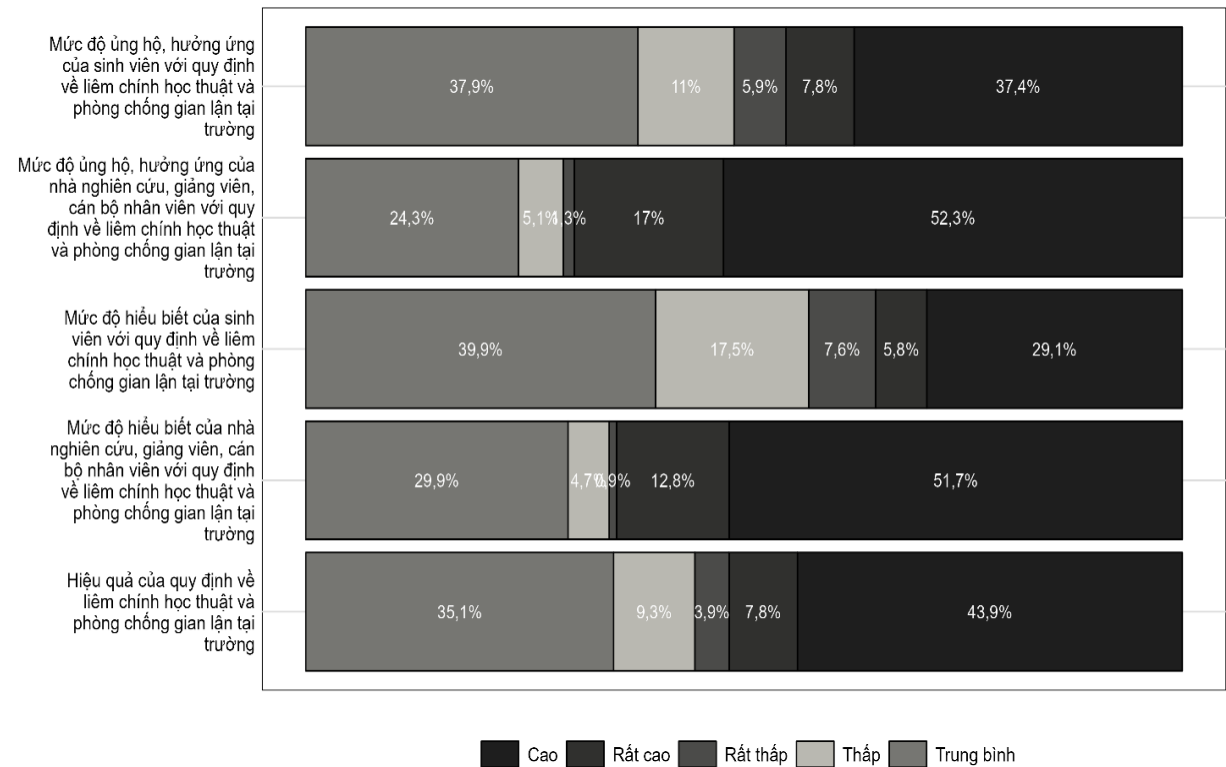
Hình 6 cho thấy, nhìn chung, đánh giá "cao" chiếm đa số trong tất cả các yếu tố được khảo sát, được chọn nhiều nhất là 52,3% cho mức độ ủng hộ, hưởng ứng của nhà nghiên cứu, giảng viên, cán bộ nhân viên với quy định về liên chính học thuật và phòng chống gian lận tại trường. Đánh giá phổ biến thứ 2 là "trung bình với lượt chọn cao nhất và nhì lần lượt là mức độ hiểu biết của sinh viên với quy định về liên chính học thuật và mức độ hưởng ứng của sinh viên chiếm 39,9% và 37,9%. Đánh giá "rất cao" với mức độ ủng hộ, hưởng ứng của nhà nghiên cứu, giảng viên và cán bộ có tỷ lệ cao nhất là 17%, tiếp đó là 12,8% chọn "rất cao" cho mức độ hiểu biết của nhóm đối tượng trên với quy định về liên chính học thuật. Chiếm tỷ lệ chọn "rất thấp" cao nhất là mức độ hiểu biết của sinh viên với quy định về liên chính học thuật và phòng chống gian lận tại trường với 7,6%.

Hình 5: Tình trạng các kế hoạch và triển khai của các cơ quan



Nguồn: Tác giả khảo sát

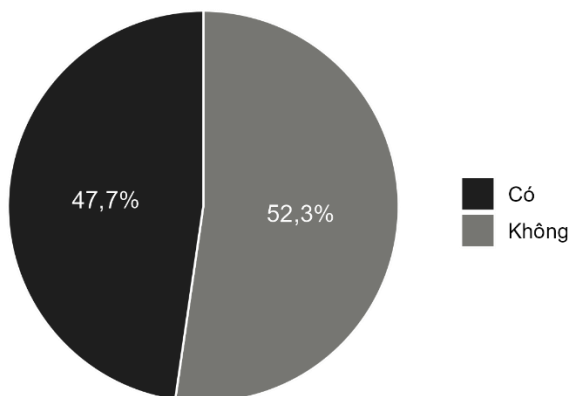
Hình 6: Đánh giá về một số yếu tố tại cơ sở công tác



Nguồn: Tác giả khảo sát

Hình 7 cho thấy 52,3% người tham gia không được đào tạo, tập huấn về liên chính học thuật tại cơ sở giáo dục họ công tác và 47,7% đã được tham gia đào tạo, tập huấn.

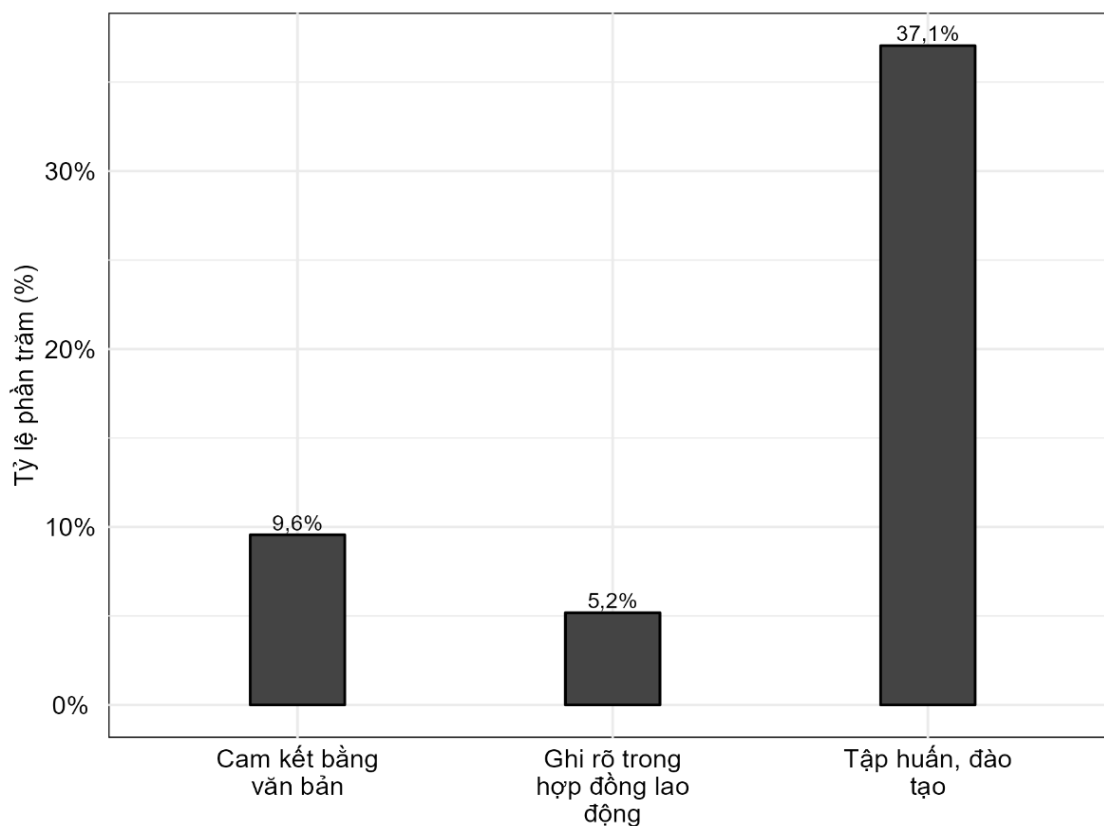
Hình 7: Thực trạng đào tạo, tập huấn, phổ biến quy định liên chính học thuật



Nguồn: Tác giả khảo sát

Hình thức phổ biến quy định, quy chế về liên chính học thuật phổ biến nhất là tập huấn và đào tạo với 37,1%. Theo đó là cam kết bằng văn bản và ghi rõ trong hợp đồng lao động với 9,6% và 5,2%

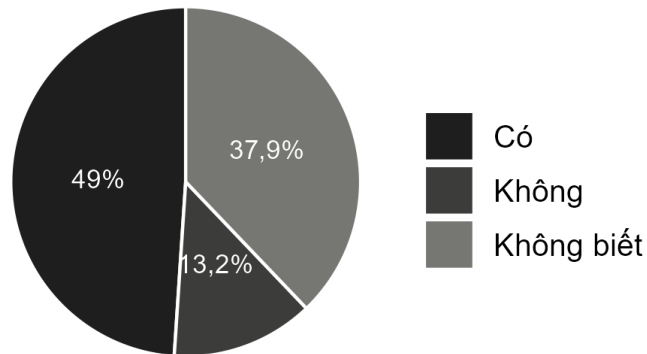
Hình 8: Hình thức phổ biến các quy định và quy chế liên chính học thuật tại các cơ sở giáo dục



Nguồn: Tác giả khảo sát

Kết quả Hình 9 cho thấy, 49% người được khảo sát chọn trường công tác của họ có phổ biến quy định và quy chế liên chính học thuật cho sinh viên. 13,2% chọn không và số còn lại không biết.

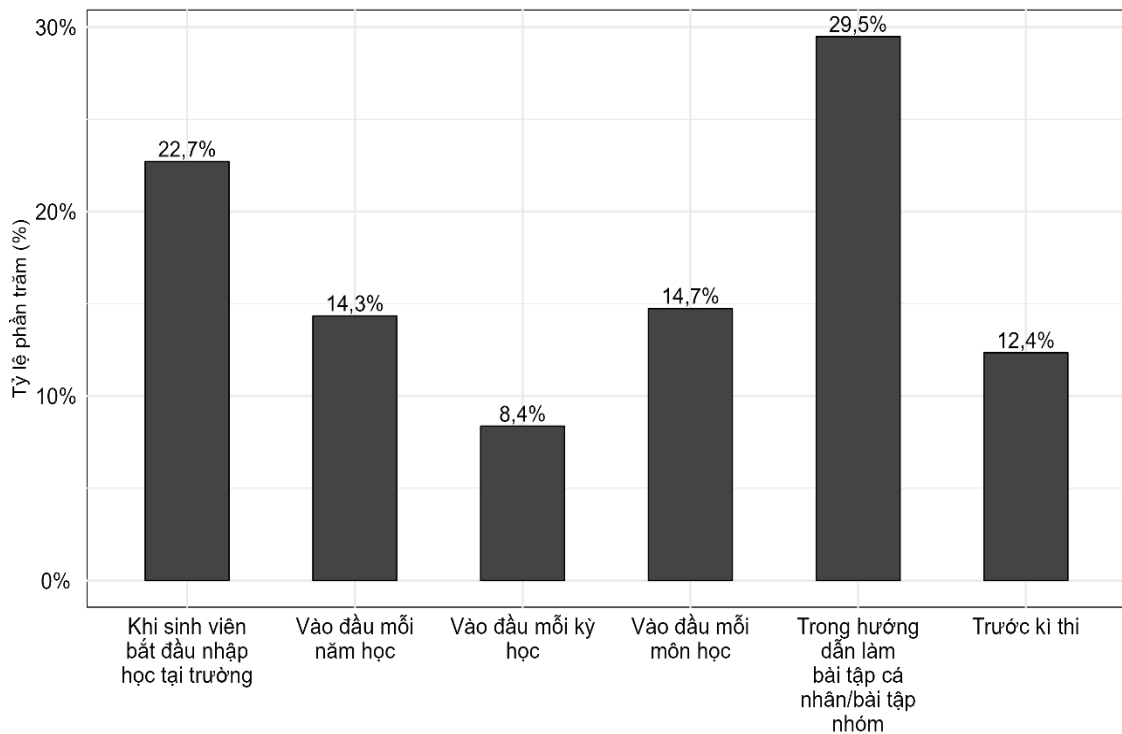
Hình 9: Thực trạng phổ biến quy định liên chính học thuật cho sinh viên



Nguồn: Tác giả khảo sát

Thời điểm phổ biến nhất các trường phổ biến nội dung liên chính học thuật là trong hướng dẫn làm bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm, được 29,5% người tham gia khảo sát chọn. Theo đó là khi sinh viên bắt đầu nhập học tại trường với 22,7%, vào đầu mỗi môn học, năm học và trước khi thi với 14,7%, 14,3% và 12,4%. Được chọn ít nhất là vào đầu mỗi kỳ học chiếm 8,4%.

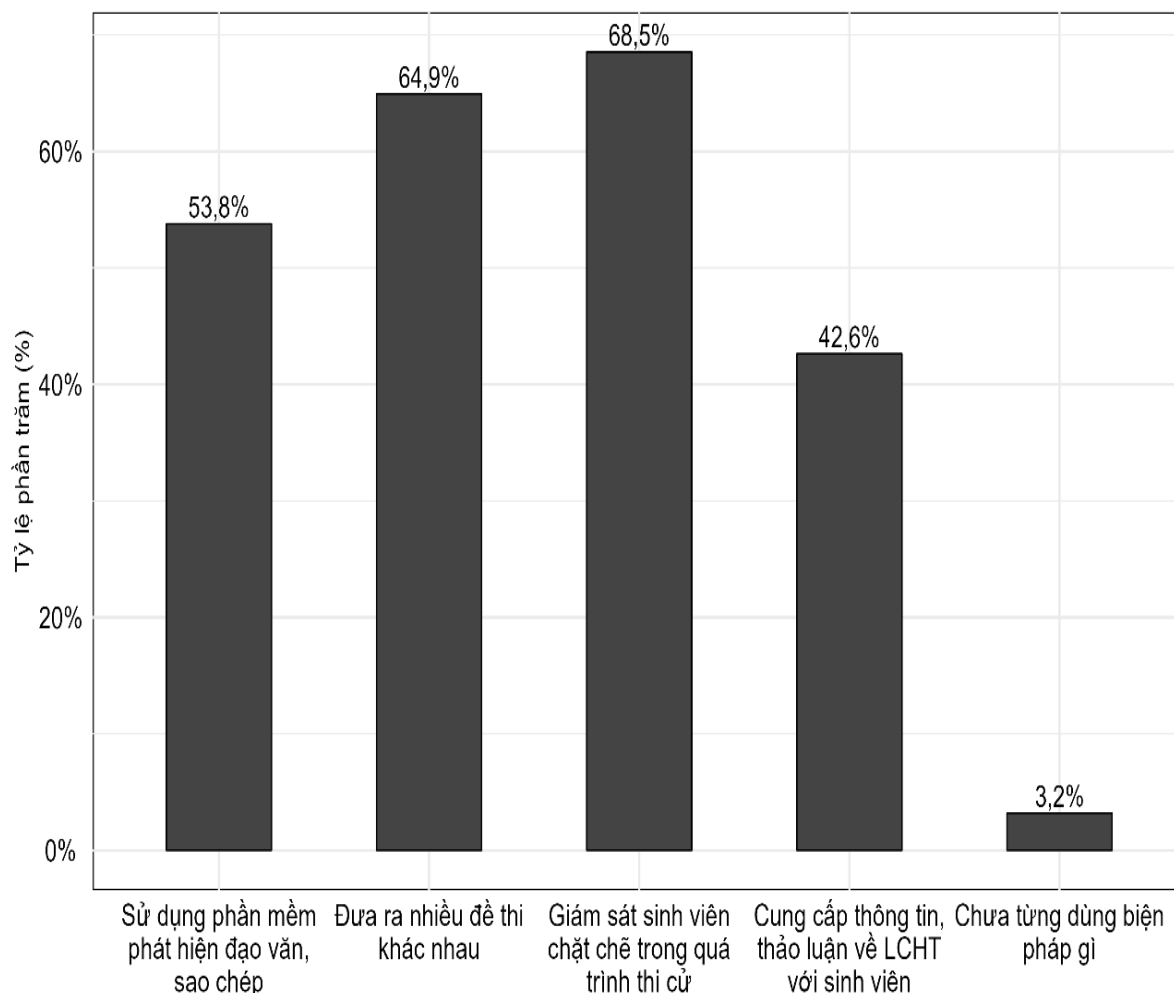
Hình 10: Thời điểm phổ biến quy định về liên chính học thuật cho sinh viên



Nguồn: Tác giả khảo sát

Hình 11 cho thấy 68,5% giảng viên và các cán bộ chọn giám sát sinh viên chặt chẽ trong quá trình thi cử làm biện pháp đảm bảo liêm chính học thuật trong sinh viên. 64,9% đưa ra nhiều đề thi khác nhau, tiếp đó là 53,8% sử dụng phần mềm phát hiện đạo văn, sao chép cùng với 42,6% cung cấp thông tin, thảo luận về liêm chính học thuật và 3,2% chưa dùng biện pháp gì.

Hình 11: Những biện pháp đảm bảo liêm chính học thuật cho sinh viên

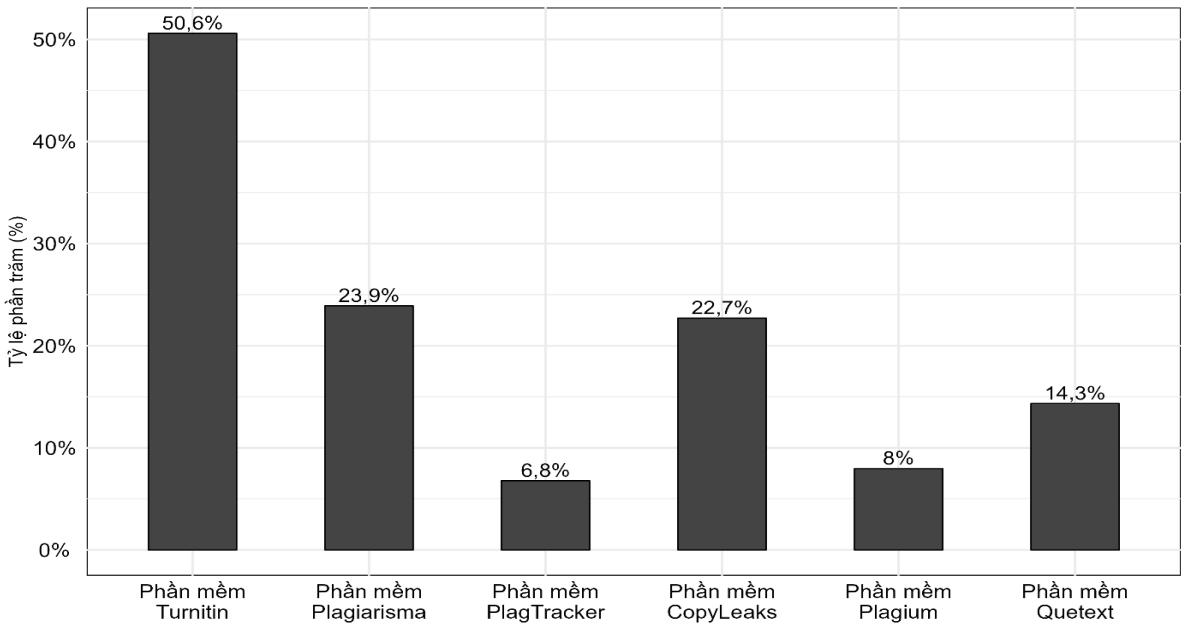


Nguồn: Tác giả khảo sát

Hình 12 cho thấy, ứng dụng hay công nghệ được biết đến nhiều nhất là phần mềm Turnitin với 50,6% người tham gia khảo sát biết đến. Phổ biến sau đó lần lượt là phần mềm Plagiarisma với 23,9%, CopyLeaks với 22,7%, Quetext với 14,3%. Chỉ có lần lượt 8% và 6,8% cho biết họ biết đến phần mềm Plagtracker và Plagium.

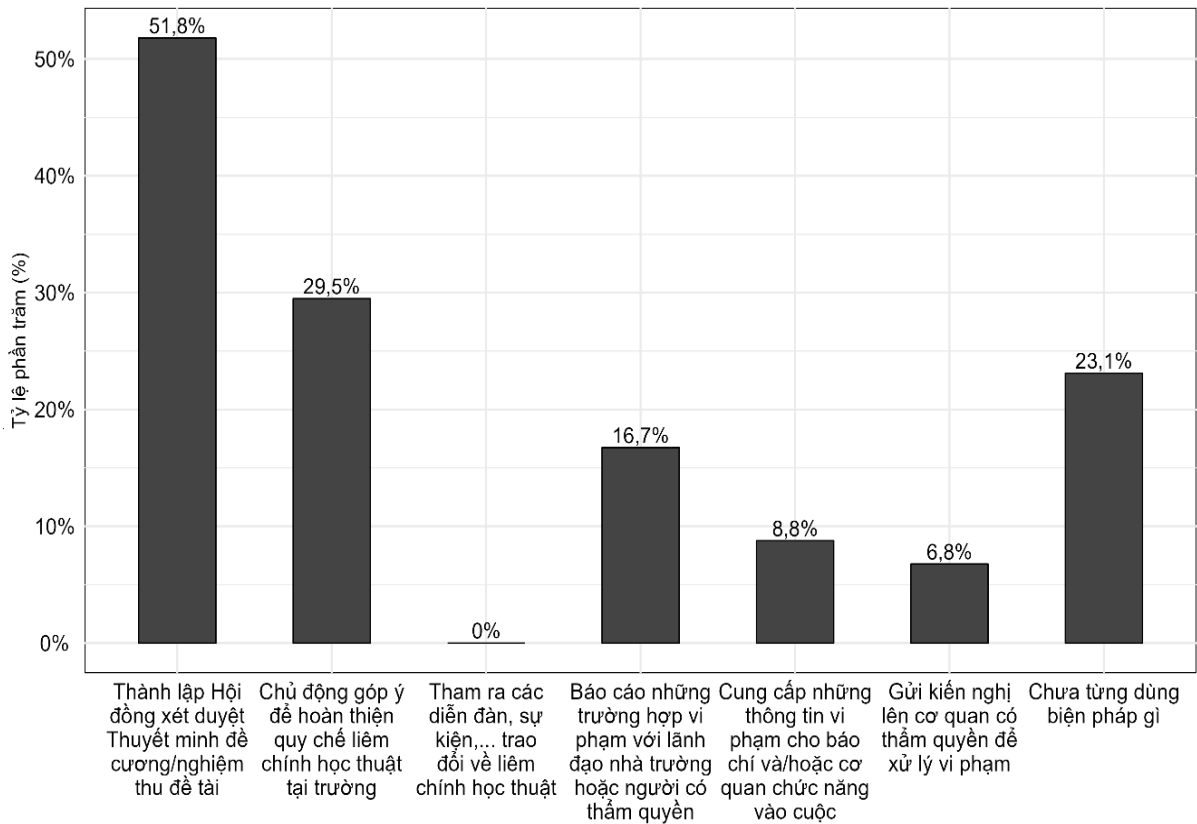
Hình 13 cho thấy, biện pháp đảm bảo liêm chính học thuật được biết đến nhiều nhất là Thành lập Hội đồng xét duyệt Thuyết minh đề cương/ nghiệm thu đề tài với tỷ lệ chọn là 51,8%. 29,5% người tham gia chọn chủ động góp ý để hoàn thiện quy chế liêm chính học thuật tại trường. Đáng chú ý, 23,1% cho biết họ chưa từng dùng biện pháp gì và 0% chọn biện pháp tham gia các diễn đàn, sự kiện... trao đổi về liêm chính học thuật.

Hình 12: Độ phổ biến của các ứng dụng, phần mềm, công nghệ trong liên chính học thuật



Nguồn: Tác giả khảo sát

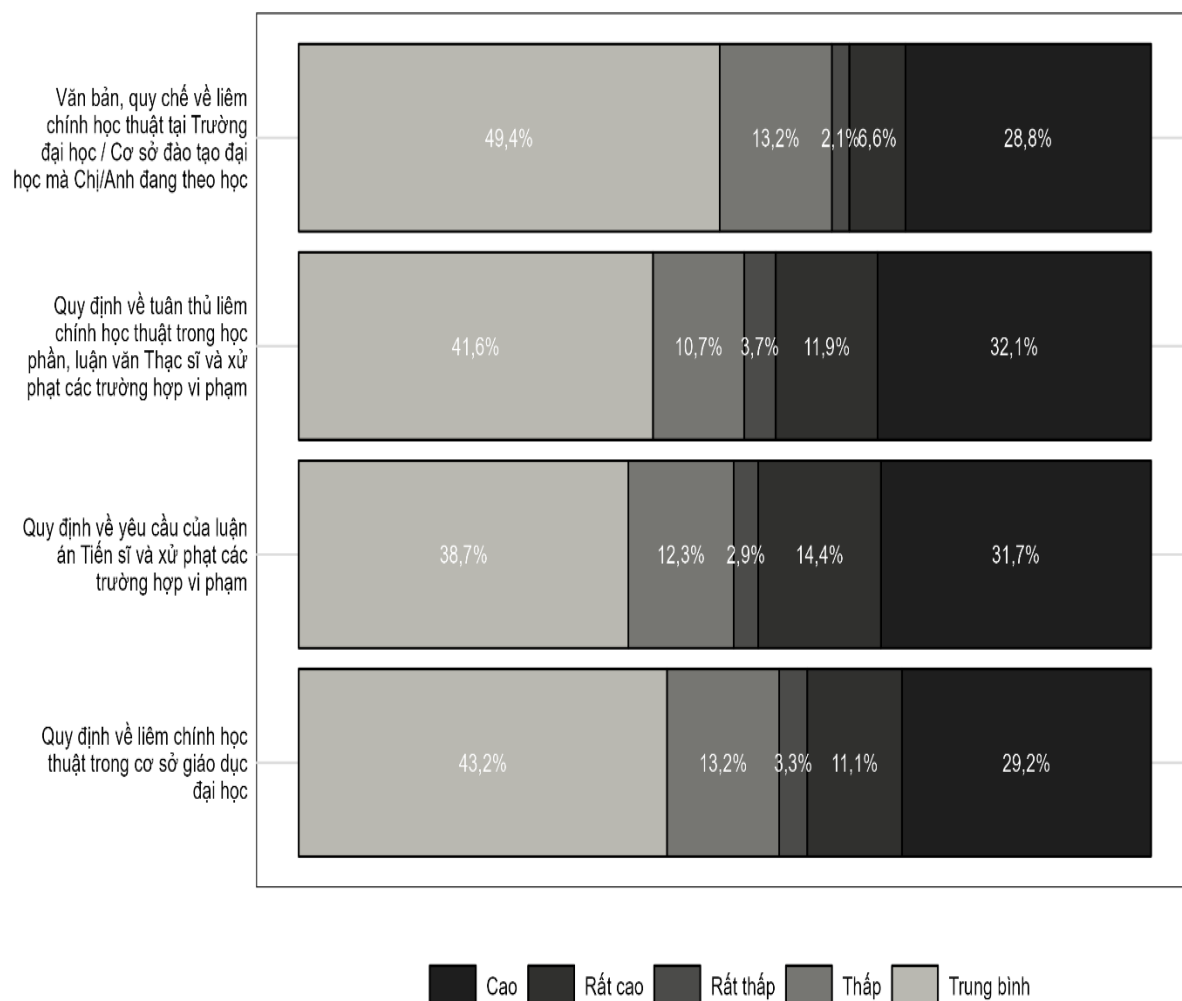
Hình 13: Các biện pháp được sử dụng để đảm bảo liên chính học thuật



Nguồn: Tác giả khảo sát

Đa số người tham gia tự đánh giá "trung bình" về mức độ hiểu biết của bản thân với các quy định, trong đó văn bản, quy chế về liên chính học thuật tại trường đại học hay cơ sở đào tạo có tỷ lệ chọn mục này cao nhất với 49,4%. Mục "cao" có tỷ lệ chọn phổ biến thứ 2 với quy định về yêu cầu của luận án Tiến sĩ và xử phạt các trường hợp đơn vị dẫn đầu về tỷ lệ chọn đánh giá này ở mức 31,7%. Tỷ lệ chiếm ít nhất là đánh giá "Rất thấp", trong đó thấp nhất là 2,1% tự đánh giá cho hiểu biết của mình về văn bản, quy chế liên chính học thuật tại cơ sở họ theo học.

Hình 14: Đánh giá về mức độ hiểu biết của bản thân về quy định liên chính học thuật



Nguồn: Tác giả khảo sát

5. Thảo luận

Trong cơ sở giáo dục đại học, liên chính học thuật thể hiện sự trung thực, thẳng thắn, tinh thần trách nhiệm trong các hoạt động giảng dạy, học tập, trong các sản phẩm, công trình nghiên cứu khoa học. Có nhiều biểu hiện vi phạm liên chính học thuật, trong đó phổ biến nhất là hiện tượng đạo văn, gian lận trong nghiên cứu và trong quá trình giảng dạy cũng như học tập, bịa đặt thông tin và số liệu dẫn đến kết quả sai lệch, hỗ trợ cho các hành vi không

trung thực, thông đồng hay gian lận tập thể. Liêm chính học thuật cần tuân theo các nguyên tắc cơ bản bao gồm: sự trung thực, tinh thần trách nhiệm, sự công bằng và tính chuyên nghiệp trong công việc, quản lý tốt công việc. Liêm chính học thuật đối với người học trong cơ sở giáo dục đại học bao gồm sự trung thực, ngay thẳng trong học tập cũng như trong nghiên cứu, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, công khai và minh bạch trong việc công bố kết quả nghiên cứu. Nếu thiếu đi sự liêm chính trong học thuật, người học sẽ không thể tiếp nhận kiến thức một cách chính xác, khách quan.

Ở Việt Nam, khái niệm và các quy định về liêm chính học thuật đều còn khá mới mẻ. Nghị định số 109/2022/NĐ-CP Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học được ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2022 là một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy định, chính sách mang tính pháp lý liên quan đến các hoạt động nghiên cứu khoa học tại các trường đại học, cao đẳng tại Việt Nam. Đặc biệt, Điều 20 của Nghị định này lần đầu tiên đề cập trực tiếp tới vấn đề liêm chính học thuật trong cơ sở giáo dục đại học. Theo điều khoản này, các cơ sở giáo dục đại học cần ban hành bộ quy tắc về liêm chính học thuật trong hoạt động khoa học, phải đảm bảo nguyên tắc trung thực, trách nhiệm, sự công bằng và minh bạch phù hợp với thực tiễn, phù hợp với thông lệ quốc tế. Đồng thời, các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam cũng cần đưa ra các quy định nội bộ và các công cụ nhằm kiểm soát, xử lý các vi phạm để từ đó ngăn chặn các hành vi vi phạm liêm chính học thuật như đạo văn, gian lận, bịa đặt trong hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Kết luận và khuyến nghị chính sách

Không thể phủ nhận, khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia. Một nền khoa học thực sự phải được xây dựng dựa trên cơ sở sự tin tưởng. Hiện nay, những biểu hiện vi phạm nghiêm trọng về liêm chính học thuật dưới nhiều hình thức khác nhau đang trở thành vấn đề nhức nhối. Hành động đạo văn thể hiện sự thiếu trung thực, thiếu tôn trọng đối với những thành quả của các nhà khoa học chân chính. Vì vậy, cần thúc đẩy một nền khoa học liêm chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi và tạo động lực cho các nhà khoa học phát triển hoạt động nghiên cứu của mình, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước.

Hiện nay, Việt Nam cũng đã có một số quy định về liêm chính học thuật ở một số văn bản, cụ thể Nghị định 109/2022/NĐ-CP Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học. Tuy nhiên, Nghị định này vẫn chưa quy định cụ thể và rõ ràng về các vấn đề liên quan đến liêm chính học thuật. Quỹ Nafosted có ban hành Quy định số 10/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ban hành Quy định về liêm chính nghiên cứu đối với việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ, hỗ trợ. Do đó, có thể thấy quy định về liêm chính học thuật ở Việt Nam vẫn còn hạn chế.

Trước hết, để nâng cao tính liêm chính trong khoa học ở Việt Nam, cần xây dựng hệ thống các quy định chung về liêm chính học thuật, đồng thời có các chế tài và biện pháp xử lý đối với các hành vi vi phạm. Muốn thay đổi tư duy của cả hệ thống thì quy định về đạo văn,

về liêm chính học thuật phải thực hiện ở quy mô hệ thống, tức là toàn bộ các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu, các hội đồng khoa học, hội đồng chức danh, các tạp chí, nhà xuất bản cần phải áp dụng chặt chẽ các quy định này. Thậm chí khái niệm về đạo văn và cách thức trích dẫn cần phải được dạy từ bậc phổ thông cho học sinh. Sau khi đưa ra chuẩn mực chung và chế tài xử lý, các trường học, viện nghiên cứu phải nghiêm túc thực hiện chuẩn mực đó một cách có hệ thống.

Thứ hai, cần xây dựng và phát triển các công cụ chống đạo văn, liên tục bổ sung cơ sở dữ liệu để nâng cao tính chính xác của các công cụ chống đạo văn. Các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu khoa học phải luôn cập nhật, ứng dụng các công cụ và phần mềm chống đạo văn để hạn chế tình trạng sao chép, ăn cắp thành quả lao động của người khác.

Thứ ba, cần có các biện pháp kiểm soát thông tin trên Internet, ngăn chặn các nội dung không phù hợp, bảo vệ an toàn dữ liệu và thông tin trên mạng, ngăn chặn tình trạng mua bán các công trình nghiên cứu khoa học nhằm giảm thiểu tình trạng đạo văn, sao chép và ăn cắp trí tuệ của người khác. Để phòng chống các thông tin sai lệch trên mạng Internet, cần đẩy mạnh giáo dục và tuyên truyền về phòng ngừa tin giả cũng như các thông tin xấu độc, thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm công nghệ cao. Các cơ quan truyền thông, báo chí cần cung cấp kịp thời và đầy đủ các thông tin chính thống cho người dân. Đồng thời, cần quản lý chặt chẽ hơn đối với người dùng Internet bằng cách đẩy mạnh hoàn thiện cơ sở dữ liệu điện tử của người dân.

Tài liệu tham khảo

Ceren Çubukçu ÇERASI, Yavuz Selim BALCIOĞLU. (2023). A review on academic integrity and the use of artificial intelligence in education from 2012 to 2022. In book: International Research in Social, Humanities and Administrative Sciences (pp.137-151). Publisher: Platanus. DOI:10.5281/zenodo.7744434

Donald L. McCabe, Linda Klebe Treviño, Kenneth Butterfield. (2001). Cheating in Academic Institutions: A Decade of Research.

Dorothy L.R. Jones. (2011). Academic Dishonesty: Are more students cheating? Business Communication Quarterly. Volume 74, Number 2, June 2011 141-150. DOI: 10.1177/1080569911404059

International Center for Academic Integrity. (2023). Facts and Statistics. <https://academicintegrity.org/resources/facts-and-statistics>

Khan, Z., and Balasubramanian, S. (2012). Students Go Click, Flick and Cheate-Cheating, Technologies, and More. J. Acad. Business Ethics 6, 1-26.

King, D. L., and Case, C. J. (2014). E-cheating: Incidence and Trends Among College Students. Issues Inf. Syst. 15 (I), 20-27.

Lanier, M. M. (2006). Academic Integrity and Distance Learning. J. Criminal Justice Edu. 17, 244-261. doi:10.1080/10511250600866166

Majda I. Ayoub, Khaled Aladwan. (2021). The relationship between academic integrity of online university students and its effects on academic performance and learning quality. Journal of Ethics in Entrepreneurship and Tecnology. Vol.1 No.1, 2021, pp43-60. Emerald Publishing Limited 2633-7436. DOI 10.1108/JEET-02-2021-0009

Oleksii Nalyvaiko et al. (2022). Academic integrity in the conditions forrces distance learning. DOI: 10.28925/2414-0325.2022.137

U. T., Tran Huynh, T., & Nguyen, H. T. T. (2016). Vấn đề liêm chính học thuật trong sự nghiệp “trồng người” [Academic integrity in the career of “planting people”]. Tạp chí *Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*. 2 (80), 54-61.

Vũ Hùng Đăng, Nguyễn Thành Long. (2020). Đánh giá liêm chính học thuật của sinh viên qua nhận thức của sinh viên về môi trường học thuật và hành vi không trung thực học thuật. Tạp chí *Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*. 16 (1), 46-63.

Watson, G., and Sottile, J. (2010). Cheating in the Digital Age: Do Students Cheat More in Online Courses?. Online J. Distance Learn. Adm. 13 (1). <http://www.westga.edu/~distance/ojdla/spring131/watson131.html>

Yevheniia Duliba et al. (2021). Academic Integrity as a phenomenon of legal culture. Journal of Legal, Ethical and Regulatory Issues. Volume 24 Special Issue 1, 2021.